

Tản mạn về tôn giáo - tín ngưỡng liên quan tới kiến trúc ở Nam Bộ

TRẦN LÂM

Đứng ở lĩnh vực văn hoá mà nói, thì nền văn hoá Bắc Bộ được coi như đã sớm thống nhất, trải dài đến hết Hà Tĩnh, tương tự như vậy, nền văn hoá Nam Bộ cũng có thể tính từ Nha Trang trở vào. Nếu Bắc Bộ được chia bởi các vùng văn hoá khác nhau như: Tây Bắc, Việt Bắc, vùng châu thổ... thì Nam Bộ cũng có những vùng chịu ảnh hưởng về nền văn hoá của một số tộc người khác như: Khơ Me, Chăm... Vì thế, Nam Bộ cũng có một nền văn hoá dung hội mạnh mẽ từ nhiều dòng chảy khác nhau.

Nói đến văn hoá tín ngưỡng, tạm thời chúng ta dừng lại ở tộc người chủ thể, đó là người Kinh. Ở Bắc Bộ, hệ văn hoá, tín ngưỡng đã đi vào ổn định từ hàng ngàn năm trước. Cho tới thời tự chủ, người Việt đã tiếp cận với nhiều tôn giáo như đạo Phật, Nho, Lão/Đạo..., trong đó, đạo Phật là chủ đạo. Bên cạnh đó, đạo Mẫu cũng được coi là một cột còn tản mạn. Người Việt đã vào Nam Bộ từ khá sớm, nhưng họ là thành phần nào? Ta có thể thấy được vào cuối thế kỷ XVI, họ đã theo Nguyễn Hoàng thâm nhập tương đối ồ ạt vào phía Nam dù trước đó các cuộc chiến tranh dưới thời Lý đến thời Lê sơ, người Việt cũng đã vào tới Nam Trung Bộ. Triều đình Lê sơ đã để lại quân lính của mình theo lối "ngự binh ư nông" (có nhiều gia đình binh lính đi theo). Tuy nhiên, lúc đầu họ còn rất lạ lẫm, vì "ở đây đất nước lạ lùng, con chim bay cũng sợ con cá vùng cũng kinh".

Khi các chúa Nguyễn thâm nhập vào Nam Bộ thì ở đây không phải là miền đất trống hoàn

toàn mà đã có những người Khơ Me sống trên các giồng (đất cao), một số người Trung Hoa lưu lạc đến để khai thác thương mại ở ven sông. Người Việt khai thác ở ruộng thấp. Đây là điều kiện để các tộc người sống đan xen trên đất Nam Bộ không vướng vào các cuộc đối đầu, tranh chấp.

Thời chúa Nguyễn Hoàng thâm nhập vào miền Nam Trung Bộ có thể đi theo chủ yếu là người Thanh - Nghệ - Tĩnh. Nhưng từ cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XIX nạn kiêm tính ruộng đất của địa chủ và quan lại triều đình ở Bắc Bộ đã đẩy hàng vạn người nông dân vào hoàn cảnh vô gia cư. Đây là lực lượng lớn chạy theo chúa Nguyễn đi khai phá miền Nam. Tỷ lệ này ước đoán đông hơn người Thanh- Nghệ Tĩnh mà chúa Nguyễn đem đi từ trước. Điều đó cho thấy, quan trọng không phải là lực lượng địa chủ phong kiến mà lực lượng nông dân kể trên thực sự đã là bệ đỡ của văn hoá tín ngưỡng Nam Bộ. Khi ở đất Bắc, họ là người dân rất nghèo, bán sức lao động cật lực vẫn không đủ nuôi thân và gia đình. Trong hoàn cảnh đó, họ không thể có đủ thời gian và và kinh phí để thực hiện những nghi thức tối thiểu của bất kể tôn giáo tín ngưỡng nào. Đứng về mặt tinh thần, hành trang văn hoá tâm linh của họ chỉ là con số không ngoài ý thức tôn trọng, thờ cúng tổ tiên. Đối với tổ tiên, có thể họ chỉ cần bát nước, rồi khấn cầu vào những ngày giỗ. Nhưng khi vào Nam Bộ, điều kiện tự nhiên thuận lợi, họ dần không phải lo đến việc ăn ở nữa, nếu không có ruộng để làm thì họ có thể khai thác lúa ma (lúa hoang)



để ăn, hoặc bắt cá tôm ở vùng sông nước... Khí hậu không khắc nghiệt, nên họ không phải lo cái mặc, cuộc sống dần trở nên dễ chịu đối với những con người lam lũ này. Thời tiết thuận lợi, hiếm có bão lụt nên họ cũng đỡ lo tới nơi ở.

Việc khai thác ruộng đất ở Nam Bộ rất khác Bắc Bộ: ở Bắc Bộ vốn có ruộng công chia cho nông dân, nhưng ở Nam Bộ thành phần xã hội ở nông thôn chủ yếu có đại điền chủ và tá điền. Khi đó, sức lao động rất thiếu, mỗi đại điền chủ có hàng vạn héc ta, nên khó có sự bóc lột tàn ác như ở các nơi khác hay như trong lý thuyết sách vở. Vì, nếu bị bóc lột quá nặng, người tá điền sẽ bỏ sang với điền chủ khác. Tất cả những điều kiện thuận lợi về cuộc sống cá nhân, gia đình, cuộc sống đối với xã hội đã làm cho họ dễ thở hơn miền Bắc rất nhiều.

Một thực tế rõ rệt cho thấy, khi con người quá khổ thì họ tập trung tư tưởng chống lại đối khổ, khi đối khổ không còn là vấn đề bức xúc nữa, thì con người sẽ lục vấn tinh thần. Và, lúc đó người ta dễ cảm thấy bị hụt hẫng, đặc biệt là ở phần tâm linh, vì từ xưa tôn giáo- tín ngưỡng đã lấp đầy khoảng trống tâm hồn, đã an ủi và tạo sự cân bằng cho cuộc sống. Tôn giáo đã là một sáng tạo của nhân loại. Không

nên chỉ nhìn thấy mặt tiêu cực của tôn giáo- tín ngưỡng, mà còn cần phải nhìn vào mặt tích cực của nó, vì tôn giáo- tín ngưỡng là bạn đồng hành của con người. Không có nó, con người dễ hụt hẫng tinh thần, kết quả sẽ nảy sinh ra rất nhiều loại tín ngưỡng bên lề, không thấy trong truyền thống.

Sự hụt hẫng đó khiến một số người và rất nhiều người theo họ đi tìm sự cân bằng ở các hiện tượng có vẻ "nhảm nhí", dần dần họ rơi vào vòng tay của chủ nghĩa tiên tri, là bệ đỡ cho cứu thế giáo: Một biểu hiện rõ rệt ở miền Nam là hiện tượng nảy sinh ông Đạo. Ông Đạo của miền Nam là một thứ con đẻ của hoàn cảnh riêng biệt, nó không xuất phát từ một dòng tín ngưỡng nào đã có.

Đỉnh cao nhất của tín ngưỡng này, như nhận xét của cố Giáo sư Từ Chi thì đó là đạo Cao Đài và Hoà Hảo, hai đạo này chỉ nảy sinh ở miền Nam rồi lan truyền ra các vùng khác. Ngoài ra, từ thực tế trong tâm linh người dân chỉ có hành lang là tục thờ cúng tổ tiên nên khi cuộc sống được no ấm hơn thì tục thờ cúng tổ tiên cũng được vượt qua không gian gia đình để đến với làng xã qua việc thờ các nhân vật có công của vùng ấy, suy cho cùng, tục thờ cúng tổ tiên vốn



Miếu Ông Tà (Đồng bằng Sông Cửu Long) - Ảnh: T.L

có gốc từ đất Bắc nhưng lại rất phát triển ở miền Nam để trở thành đạo Ông Bà. Cụ thể là hầu như ở các di tích đều thờ "tiền khai canh, hậu khai thổ". Có khi lại hội vào một nhân vật có công nào đó với cộng đồng mà xây dựng một đền để thờ riêng, như đối với đạo ông Trần là một ví dụ.

Mặt khác, trong hệ thống sinh hoạt tâm linh ở đây thì các tôn giáo tín ngưỡng du nhập vào như theo lối "mạnh ai người đó sống", hoặc đã dung hội một cách tự nhiên với nhau như chúng ta thấy, cụ thể có nhiều tín ngưỡng địa phương đã được hội nhập với tín ngưỡng thờ Mẫu. Tín ngưỡng thờ Mẫu ấy có ảnh hưởng từ phương Bắc vào, song đã bị biến tướng đi, đồng thời nó cũng hội nhập, mở rộng, đón các dòng văn hoá tâm linh khác có gốc từ người Chăm và người Khơ Me. Ví dụ: ở đền bà Chúa Xứ thì một phần là tục thờ Mẫu của người Việt, một phần là thờ Phật, một phần có gốc từ tín ngưỡng của người Khơ Me Nam Bộ. Rất khó tìm được cái gọi là "thuần chủng": Việc thờ Phật Mẫu sau này, được tản đi rất rộng ở miền Đông và một phần miền Tây Nam Bộ, cũng dưới hình thức này.

Quay trở lại với người Trung Hoa, họ đem theo văn hoá và tín ngưỡng từ quê hương của họ nên thần linh gắn với Trung Hoa được xuất hiện khá nhiều. Ví dụ: Ngũ Nương Thánh mẫu (đồng nhất Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và cả ngũ phương), có khi thờ cả Quan Công. Tất cả những thần linh này khi bước vào Nam Bộ, với "tâm hồn trong sáng", người Việt cũng đã tiếp nhận. Tóm lại, từ miền Nam Trung Bộ trở vào, do khó có điều kiện đem theo được tôn giáo gốc nên văn hoá tín ngưỡng của người Việt, qua giao thoa trong lịch sử đã trở nên đa dạng, không nổi bật.

Khi nhà Nguyễn nổi lên thống nhất cả Nam Bắc, chính sách nhà Nguyễn về tín ngưỡng rất rõ rệt. Họ muốn nắm được cả lòng người từ Tam Quan đến Mũi Cà Mau nên đã lệnh cho các làng xã phải xây đình, cho các tỉnh được dựng Văn Miếu dưới sự chỉ huy trực tiếp của các nhà Nho đại diện cho chính quyền, nên ở đất Bắc dù đã dựng được một Văn Miếu truyền thống về kiến trúc, nhưng do ảnh hưởng từ Nho giáo và có sự chỉ huy ở triều đình nên các Văn miếu tỉnh cũng có nhiều nét của kiến trúc Huế, còn ngôi đình dù phần nào do triều đình lệnh cho dựng, song rõ ràng nó đã được đưa vào đây cả

tín ngưỡng dân gian. Vì thế, đình Nam Bộ khác xa đình đất Bắc. Bản thân nó cũng là ngôi nhà cộng đồng, để hội họp, nhưng không gian nhỏ hơn đình Bắc, đó là do tổ chức làng xã ở hai miền khác xa nhau. Ở đất Bắc thì làng xã cùng chung một đình - nơi tụ họp của cả làng, các gia đình cùng dòng họ, hoặc có mối quan hệ ràng buộc phải dựa vào nhau để tồn tại, còn ở miền Nam, làng xóm phần nhiều là các gia đình có thể không cùng họ hàng, quê hương bản quán sống cạnh nhau trong một thể chế không chặt chẽ... dưới sự quản chế mạnh nhất là của đại điền chủ và chính quyền địa phương.

Nhìn chung, khi một làng được tập hợp bởi nhiều loại cư dân khác nhau thì khó có thể có một ông thần chung như ở đất Bắc dưới dạng Thành hoàng làng mà chỉ có cái chung là vị "tiền khai canh, hậu khai thổ". Vì thế, thực chất ở Nam Bộ, chủ yếu các di tích đã mang yếu tố đền để hội tụ văn hoá của cộng đồng, tính chất tâm linh sâu xa nhẹ hơn mà gắn với sinh hoạt đời thường nhiều hơn, các trò diễn truyền thống như ở đất Bắc còn hiếm có. Đình và đền ngoài một điện thờ còn có nhà võ ca, võ quy, sân khấu để sinh hoạt cộng đồng theo yêu cầu sinh hoạt văn hoá, đồng thời, đây cũng là một yêu cầu để cố kết cộng đồng.

Càng về sau, khi đất Nam Bộ được hình thành và tương đối ổn định thì còn có một số cư dân tự đi tìm cuộc sống mới. Họ tự nguyện ra đi chứ không phải do hoàn cảnh thúc ép của xã hội. Họ đã có hành trang văn hoá về tôn giáo-tín ngưỡng, trong đó có cả các gia đình nề nếp, đặc biệt có cả người có chức, có quyền, hoặc những cư dân buôn bán. Họ là bộ đỡ cho đạo Phật và các tôn giáo khác ở phía Bắc du nhập vào Nam Bộ một cách bài bản hơn, với biểu hiện cụ thể ở miền Đông và ở các đô thị lớn. Nhiều ngôi chùa dần dần nổi lên, trong đó đã thờ cả Quan Âm và thờ Mẫu theo hình thức Bắc Bộ. Tín ngưỡng gắn với bà Liễu Hạnh (liên quan tới thương mại) đã xuất hiện dần để đến nay ta thấy có cả Phủ Giầy ở đất Sài Gòn. Các thần linh ở đất Bắc cũng có ở miền Nam như tổ dựng nước Hùng Vương, thần giữ nước Trần Hưng Đạo... Đối với người dân Nam Bộ thì tất cả những người có công với đất nước đều là những vị thần.

Do tính chất "mở rộng tâm hồn" nên người Nam Bộ cũng bắt đầu tiếp thu cả đạo Hồi mà

đây đó xuất hiện ngôi đền thờ liên quan. Ví dụ: ở Quận 1 TP.HCM có ngôi đền thờ đạo Hồi được xây dựng khá rõ rệt...

Nhìn chung với "tinh thần rộng mở", người Kinh ở miền đất mới đã tiếp thu tôn giáo- tín ngưỡng khác một cách dễ dàng, song do không có điều kiện gìn giữ bản gốc nên không định hình được cụ thể về cả lĩnh vực tâm linh và kiến trúc truyền thống của dân tộc. Ví dụ: như hai chùa Giác Lâm và Giác Viên cổ nhất Sài Gòn thực sự chỉ là một kiến trúc nhà Rường lớn kiểu "tứ trụ" mà thôi, về bố cục không tuân thủ theo cách của đất gốc, như Tam Quan được xây dựng theo tinh thần thực dụng, ít chú ý đến phương hướng. Mà chủ yếu dựng theo con đường giao thông hoặc theo chủ quan của sãi, cả tượng thờ cũng không mang tính chất chuẩn mực chung mà đặt trọng tâm vào vị nào, thì có khi vị đó trở thành trung điểm.

Gần đây trong thế kỷ XX, nhất là dưới thời Mỹ- Ngụy, còn nảy sinh ngôi chùa theo phái đạo Phật nguyên thủy. Tuy nhiên, ở Nam Bộ vẫn có hai loại hình kiến trúc ổn định và đáng phải đưa vào trong hệ kiến trúc chung của Nam Bộ, đó là: ngôi chùa Khơ Me Nam Bộ (trung tâm ở Sóc Trăng và Trà Cú). Tuy cùng một phong cách chùa dân gian với nhiều nước Đông Nam Á, song chùa đã trở thành một kiến trúc có nhiều nét riêng với chạm khắc cao của phum sóc, phù hợp với chức năng của một trung tâm văn hoá tiểu vùng, đem ánh sáng đạo pháp chi phối cả việc đạo và việc đời.

Nhà thờ Gia Tô giáo ở miền Nam: thường được làm đẹp. Bởi những nhà thờ này không chỉ đáp ứng nhu cầu của người Pháp, mà những giáo dân Việt cũng hết sức tin theo, bởi khi tin theo tôn giáo mới này, họ đã có những thần linh cụ thể để thờ và gửi gắm được tâm hồn của mình vào sự nâng đỡ của các đấng tối thượng, họ như tìm được thân phận của mình dưới tôn giáo mới.

Một dạng kiến trúc khác tạm xếp vào loại thứ ba: do tín ngưỡng này đã hội tụ được nhiều tín đồ nên có những điều kiện cơ bản nhất là về vấn đề kinh tế để xây dựng giáo đường. Đó là đạo Cao Đài. Đạo này dung hội nhiều thần linh của các tôn giáo tín ngưỡng khác nhau. Chúa, Phật, Quan Âm, Lão Tử và nhiều danh nhân cùng hội chung vào một thần điện, khiến ai cũng như tìm thấy được chỗ nương tựa cho tâm hồn mình, trong đó có cả những người khá giàu có (đạo này lấy một con mắt làm biểu tượng). Tinh thần ấy cho phép đạo mở rộng ra nhiều tỉnh. Kiến trúc Cao Đài là sự phối hợp giữa ý thức dân gian tự phát với kiểu kiến trúc Việt và phần nào đã ảnh hưởng của kiến trúc Gia Tô giáo, nên giáo đường như chịu ảnh hưởng của nhà thờ. Song, chỗ thờ lại không giống ai cả. Cách thờ, cách đi lễ ít nhiều gắn với tính chất của đền. Đặc biệt, trong tạo hình, hoa văn trang trí của nó thường lấy trọng tâm về các hình tượng của Việt là chính. Tuy nhiên, trong tạo hình, tính chất "quê mùa" khá rõ rệt như biểu hiện ở từng bộ phận, ở màu sắc, sự phối hợp các đề tài khiến nó trở nên diêm dúa, phần cảm...

Về vật liệu chủ yếu để xây, ta có thể thấy ở đây chỉ có một vài kiến trúc còn lấy gỗ là chính, niên đại của các di tích này hầu như không vượt quá được thế kỷ XIX. Thời nào vật liệu ấy. Gỗ được sử dụng nhiều ở những ngôi chùa Khơ Me gắn với bộ phận cửa, phần được chạm khắc và gắn với hiện vật nhiều hơn kiến trúc.

Nhìn chung, trên bình diện toàn Nam Bộ, nhất là ở nông thôn, chưa thấy có một tôn giáo- tín ngưỡng nào chiếm được ưu thế, dù là tương đối, vì thế, kiến trúc theo dòng chảy văn hoá dân tộc cũng chưa định hình cụ thể.

T.L.B

TRẦN LÂM: ABOUT RELIGION AND BELIEF RELATED TO ARCHITECTURE IN THE SOUTHERN REGION

By comparing and contrasting the original land and the new land in the Southern part, the paper provides some thoughts about cultural legacy of land owners in each region. The paper then discusses reasons for the appearance and development of folk beliefs associated with these areas.